

KẾT QUẢ ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
ĐÀO TẠO NGÀNH ATTT NĂM 2025 (Khoá AT14 -AT18)

Môn: **Học phần tốt nghiệp 1**

Mã học phần: ATATTN3

Số tín chỉ: 4

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm thi	Ghi chú
1	100	AT180101	Đỗ Năng	An	AT18A	5	
2	101	AT180601	Nguyễn Công	An	AT18G	5	
3	102	AT150101	Vũ Trường	An	AT15A	5,8	
4	103	AT180405	Bùi Xuân	Anh	AT18D	K	Vắng thi
5	129	AT170303	Nguyễn Đình Hoàng	Anh	AT17C	5	
6	158	AT180503	Nguyễn Hải	Anh	AT18E	3,5	
7	104	AT140502	Nguyễn Hoàng	Anh	AT14E	5	
8	159	AT170502	Nguyễn Hoàng	Anh	AT17E	0,3	
9	105	AT170402	Nguyễn Văn	Anh	AT17D	2	
10	106	AT170104	Phạm Hoàng	Anh	AT17A	K	Vắng thi
11	130	AT170704	Trần Công Vương	Anh	AT17H	4	
12	187	AT160205	Đoàn Xuân	Bách	AT16B	1,8	
13	131	AT150605	Đỗ Quang	Bính	AT15G	5	
14	132	AT150105	Vũ Tuấn	Cảnh	AT15A	2	
15	107	AT150106	Lê Văn	Chiến	AT15A	3,5	
16	133	AT160207	Phương Văn	Chiến	AT16B	7	
17	160	AT170607	Tạ Quang	Chiến	AT17G	6	
18	108	AT180307	Phạm Bình	Chương	AT18C	5	
19	188	AT180407	Phạm Thành	Công	AT18D	K	Vắng thi
20	134	AT180607	Phạm Bá	Cường	AT18G	5	
21	189	AT180212	Lê Ngọc	Dung	AT18B	5,5	
22	161	AT140108	Nguyễn Tiến	Dũng	AT14A	K	Vắng thi
23	190	AT180512	Trần Đăng Tuấn	Dũng	AT18E	3,5	
24	109	AT170413	Phan Tiến	Duy	AT17D	K	Vắng thi
25	191	AT180413	Mai Hoàng	Dương	AT18D	5,5	
26	135	AT150510	Nguyễn Tài	Dương	AT15E	K	Vắng thi
27	162	AT170109	Nguyễn Thế	Đạt	AT17A	5	
28	136	AT180509	Trần Tiến	Đạt	AT18E	K	Vắng thi

Môn: **Học phần tốt nghiệp 1**

Mã học phần: ATATTN3

Số tín chỉ: 4

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm thi	Ghi chú
29	192	AT180110	Nguyễn Hoàng Hải	Đăng	AT18A	3	
30	163	AT160217	Lại Quang	Đức	AT16B	4	
31	164	AT160120	Lê Đình	Đức	AT16A	7,5	
32	193	AT180311	Nguyễn Lê Quang	Đức	AT18C	3	
33	165	AT180411	Phạm Minh	Đức	AT18D	6	
34	166	AT160613	Trần Hương	Giang	AT16G	K	Vắng thi
35	110	AT140120	Hà Văn	Giới	AT14A	5	
36	167	AT160221	Nguyễn Thanh	Hải	AT16B	5	
37	137	AT170115	Tạ Đông	Hải	AT17A	5	
38	168	AT160517	Trần Thị	Hằng	AT16E	3	
39	169	AT150119	Lê Trung	Hiếu	AT15A	7	
40	111	AT180516	Nguyễn Chung	Hiếu	AT18E	5	
41	171	AT180618	Nguyễn Tiến	Hòa	AT18G	6,5	
42	170	AT170718	Trần Anh	Hoà	AT17H	5	
43	194	AT141022	Đình Văn	Hoan	AT14D	5	
44	195	AT170522	Nguyễn Minh	Hoàng	AT17E	6,5	
45	196	AT170323	Đào Quốc	Hùng	AT17C	4	
46	138	AT180320	Hoàng Trọng	Hùng	AT18C	K	Vắng thi
47	112	AT180221	Nguyễn Minh	Hùng	AT18B	5	
48	113	AT180620	Nguyễn Văn	Hùng	AT18G	K	Vắng thi
49	139	AT180323	Đình Quang	Huy	AT18C	5,8	
50	197	AT180222	Nguyễn Hữu	Huy	AT18B	K	Vắng thi
51	140	AT180422	Nguyễn Quang	Huy	AT18D	K	Vắng thi
52	198	AT180522	Tạ Minh	Huy	AT18E	7,5	
53	114	AT180122	Trần Quang	Huy	AT18A	5	
54	199	AT180624	Lê Công	Huỳnh	AT18G	2	
55	200	AT150125	Lê Viết	Hưng	AT15A	6	
56	141	AT170123	Nguyễn Quốc	Hưng	AT17A	2	
57	172	AT140816	Bạch Diệu	Hương	AT14I	5	
58	115	AT180520	Tô Thị Quỳnh	Hương	AT18E	4	
59	116	AT180521	Trần Quang	Hưởng	AT18E	K	Vắng thi
60	117	AT150128	Phạm Tiến	Khải	AT15A	9	

Môn: **Học phần tốt nghiệp 1**

Mã học phần: ATATTN3

Số tín chỉ: 4

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm thi	Ghi chú
61	142	AT180225	Phan Nam	Khánh	AT18B	3,5	
62	143	AT180626	Phù Trung	Kiên	AT18G	0,5	
63	173	AT140220	Hoàng Thị	Lan	AT14B	8,8	
64	201	AT160232	Nguyễn Thị	Lê	AT16B	7	
65	144	AT180528	Nguyễn Văn	Linh	AT18E	5	
66	118	AT160429	Nguyễn Đức	Long	AT16D	5,5	
67	202	AT150134	Vũ Hoàng	Long	AT15A	6	
68	203	AT170532	Ngô Huy	Lục	AT17E	5	
69	204	AT160145	Đỗ Danh	Lục	AT16A	5,5	
70	174	AT180531	Nguyễn Đức	Lương	AT18E	6	
71	205	AT180630	Phạm Đức	Lương	AT18G	6	
72	175	AT180632	Đoàn Ngọc Hoàng	Minh	AT18G	2,3	
73	206	AT170133	Nguyễn Tuấn	Minh	AT17A	K	Vắng thi
74	176	AT170235	Trần Công	Minh	AT17B	2	
75	145	AT170533	Trần Tuấn	Minh	AT17E	5,5	
76	119	AT180534	Vũ Quang	Minh	AT18E	6,5	
77	146	AT180334	Trần Quốc	Nghĩa	AT18C	1,5	
78	207	AT180337	Nguyễn Ngọc Vũ	Nguyên	AT18C	3,5	
79	208	AT180138	Nguyễn Đức	Phong	AT18A	5	
80	120	AT180438	Ngô Kim Hoàng	Phúc	AT18D	1	
81	147	AT140434	Phạm Duy	Phúc	AT14D	3,5	
82	148	AT180240	Nguyễn Minh	Quang	AT18B	4	
83	177	AT170540	Lê Trọng	Quân	AT17E	K	Vắng thi
84	178	AT170539	Trần Bá	Quân	AT17E	4	
85	121	AT180540	Đinh Thanh	Quý	AT18E	3	
86	179	AT180640	Nguyễn Công	Quý	AT18G	9,3	
87	209	AT170242	Đỗ Danh	Quyền	AT17B	5	
88	180	AT180341	Hoàng Tuyển	Quyền	AT18C	8	
89	149	AT170644	Đồng Minh	Tấn	AT17G	2	
90	150	AT150249	Linh Ngọc	Thái	AT15B	5	
91	181	AT180343	Phạm Vũ	Thái	AT18C	7	
92	122	AT150347	Vương Hồng	Thái	AT15C	K	Vắng thi

Môn: **Học phần tốt nghiệp 1**

Mã học phần: ATATTN3

Số tín chỉ: 4

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm thi	Ghi chú
93	123	AT170546	Bùi Xuân	Thành	AT17E	K	Vắng thi
94	151	AT150251	Nguyễn Quang	Thành	AT15B	3,8	
95	124	AT180144	Nguyễn Văn	Thành	AT18A	5	
96	152	AT180244	Nguyễn Xuân	Thành	AT18B	5	
97	153	AT150349	Vũ Duy	Thành	AT15C	7	
98	210	AT160644	Đặng Thu	Thảo	AT16G	5	
99	182	AT180542	Phạm Quang	Thắng	AT18E	7	
100	183	AT180145	Phạm Bùi Anh	Thế	AT18A	6,5	
101	125	AT180245	Lê Khánh	Thiện	AT18B	5,5	
102	184	AT150155	Phạm Trọng	Thiện	AT15A	5	
103	211	AT180344	Nguyễn Huy	Thọ	AT18C	7,5	
104	154	AT180545	Nguyễn Văn	Tiện	AT18E	K	Vắng thi
105	212	AT180247	Vi Thanh	Trí	AT18B	K	Vắng thi
106	185	AT180447	Bùi Đức	Trung	AT18D	6,5	
107	155	AT170553	Nguyễn Quân	Trường	AT17E	6,5	
108	186	AT180547	Đào Ngọc	Tú	AT18E	6,5	
109	156	AT180646	Lều Văn	Tú	AT18G	5,5	
110	213	AT160555	Phan Văn	Tuấn	AT16E	5	
111	214	AT180250	Hứa Hoàng	Tùng	AT18B	5	
112	126	AT160656	Phạm Thanh	Tùng	AT16G	K	Vắng thi
113	127	AT180549	Bùi Hữu Hoàng	Văn	AT18E	6,5	
114	157	AT180550	Lưu Quốc	Việt	AT18E	5	
115	128	AT180450	Nguyễn Xuân	Việt	AT18D	5	

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
ĐÀO TẠO NGÀNH ATTT NĂM 2025 (Khoá AT14 – AT18)

Môn: **Học phần tốt nghiệp 2**

Mã học phần: ATATTN4

Số tín chỉ: 4

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm thi	Ghi chú
1	159	AT180101	Đỗ Năng	An	AT18A	K	Vắng thi
2	160	AT180601	Nguyễn Công	An	AT18G	K	Vắng thi
3	130	AT170301	Nguyễn Văn	An	AT17C	6	
4	131	AT150101	Vũ Trường	An	AT15A	0,8	
5	161	AT170403	Dương Tuấn	Anh	AT17D	5	
6	132	AT170303	Nguyễn Đình Hoàng	Anh	AT17C	5	
7	100	AT180503	Nguyễn Hải	Anh	AT18E	5,3	
8	188	AT140502	Nguyễn Hoàng	Anh	AT14E	8,5	
9	133	AT170502	Nguyễn Hoàng	Anh	AT17E	K	Vắng thi
10	134	AT170402	Nguyễn Văn	Anh	AT17D	3,3	
11	189	AT160205	Đoàn Xuân	Bách	AT16B	K	Vắng thi
12	162	AT150106	Lê Văn	Chiến	AT15A	5	
13	135	AT160207	Phương Văn	Chiến	AT16B	6,3	
14	163	AT170306	Trương Văn	Chiêu	AT17C	5	
15	190	AT180307	Phạm Bình	Chương	AT18C	6	
16	101	AT180407	Phạm Thành	Công	AT18D	K	Vắng thi
17	164	AT160110	Nguyễn Văn	Cương	AT16A	3	
18	165	AT180607	Phạm Bá	Cường	AT18G	1	
19	102	AT180212	Lê Ngọc	Dung	AT18B	K	Vắng thi
20	191	AT140108	Nguyễn Tiến	Dũng	AT14A	K	Vắng thi
21	192	AT180512	Trần Đăng Tuấn	Dũng	AT18E	1,5	
22	193	AT170413	Phan Tiến	Duy	AT17D	K	Vắng thi
23	103	AT160509	Lê Hồng	Dương	AT16E	5	
24	136	AT180413	Mai Hoàng	Dương	AT18D	5	
25	166	AT150510	Nguyễn Tài	Dương	AT15E	K	Vắng thi
26	217	AT170308	Lưu Nhật	Đan	AT17C	5,8	
27	104	AT170109	Nguyễn Thế	Đạt	AT17A	0,5	
28	105	AT180110	Nguyễn Hoàng Hải	Đăng	AT18A	0,5	

Môn: **Học phần tốt nghiệp 2**

Mã học phần: ATATTN4

Số tín chỉ: 4

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm thi	Ghi chú
29	137	AT160217	Lại Quang	Đức	AT16B	0	
30	106	AT160120	Lê Đình	Đức	AT16A	K	Vắng thi
31	138	AT180311	Nguyễn Lê Quang	Đức	AT18C	K	Vắng thi
32	107	AT180411	Phạm Minh	Đức	AT18D	3,3	
33	139	AT160613	Trần Hương	Giang	AT16G	K	Vắng thi
34	140	AT140120	Hà Văn	Giỏi	AT14A	0,3	
35	167	AT150417	Hoàng Đức	Hiếu	AT15D	5	
36	141	AT150119	Lê Trung	Hiếu	AT15A	3,5	
37	168	AT160224	Ngô Đình	Hiếu	AT16B	5	
38	142	AT180516	Nguyễn Chung	Hiếu	AT18E	5	
39	143	AT180618	Nguyễn Tiến	Hòa	AT18G	3,5	
40	108	AT141022	Đinh Văn	Hoan	AT14D	2	
41	144	AT170522	Nguyễn Minh	Hoàng	AT17E	5,3	
42	194	AT170323	Đào Quốc	Hùng	AT17C	K	Vắng thi
43	195	AT180320	Hoàng Trọng	Hùng	AT18C	K	Vắng thi
44	145	AT180221	Nguyễn Minh	Hùng	AT18B	2,8	
45	169	AT180620	Nguyễn Văn	Hùng	AT18G	K	Vắng thi
46	170	AT180323	Đinh Quang	Huy	AT18C	7,5	
47	196	AT180222	Nguyễn Hữu	Huy	AT18B	8,8	
48	109	AT180422	Nguyễn Quang	Huy	AT18D	3,5	
49	171	AT180522	Tạ Minh	Huy	AT18E	7,5	
50	197	AT180122	Trần Quang	Huy	AT18A	5	
51	198	AT180624	Lê Công	Huỳnh	AT18G	K	Vắng thi
52	146	AT170624	Lê Minh	Hưng	AT17G	K	Vắng thi
53	172	AT150125	Lê Viết	Hưng	AT15A	6,5	
54	199	AT170123	Nguyễn Quốc	Hưng	AT17A	2,5	
55	200	AT170721	Nguyễn Văn	Hưng	AT17H	7	
56	147	AT140816	Bạch Diệu	Hương	AT14I	5,8	
57	173	AT160230	Phạm Công	Hưởng	AT16B	5	
58	148	AT180520	Tô Thị Quỳnh	Hương	AT18E	2	
59	174	AT180521	Trần Quang	Hưởng	AT18E	K	Vắng thi
60	201	AT150128	Phạm Tiến	Khải	AT15A	7	
61	110	AT170328	Phạm Tiến	Khánh	AT17C	6,8	

Môn: **Học phần tốt nghiệp 2**

Mã học phần: ATATTN4

Số tín chỉ: 4

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm thi	Ghi chú
62	149	AT180225	Phan Nam	Khánh	AT18B	1,8	
63	150	AT180626	Phù Trung	Kiên	AT18G	0	
64	202	AT140220	Hoàng Thị	Lan	AT14B	6,8	
65	151	AT180428	Đỗ Ngọc	Linh	AT18D	3	
66	152	AT180528	Nguyễn Văn	Linh	AT18E	3	
67	203	AT150134	Vũ Hoàng	Long	AT15A	7,3	
68	153	AT170532	Ngô Huy	Lục	AT17E	0	
69	111	AT180531	Nguyễn Đức	Lương	AT18E	5	
70	112	AT180630	Phạm Đức	Lương	AT18G	5,8	
71	154	AT180632	Đoàn Ngọc Hoàng	Minh	AT18G	K	Vắng thi
72	113	AT170133	Nguyễn Tuấn	Minh	AT17A	K	Vắng thi
73	175	AT170235	Trần Công	Minh	AT17B	5,5	
74	176	AT170533	Trần Tuấn	Minh	AT17E	7	
75	114	AT180534	Vũ Quang	Minh	AT18E	0	
76	115	AT180334	Trần Quốc	Nghĩa	AT18C	K	Vắng thi
77	177	AT180337	Nguyễn Ngọc Vũ	Nguyên	AT18C	7	
78	204	AT180138	Nguyễn Đức	Phong	AT18A	6,5	
79	205	AT180438	Ngô Kim Hoàng	Phúc	AT18D	K	Vắng thi
80	206	AT140434	Phạm Duy	Phúc	AT14D	6	
81	178	AT180240	Nguyễn Minh	Quang	AT18B	5	
82	116	AT170540	Lê Trọng	Quân	AT17E	K	Vắng thi
83	179	AT170539	Trần Bá	Quân	AT17E	7,8	
84	155	AT180540	Đinh Thanh	Quý	AT18E	0	
85	207	AT180640	Nguyễn Công	Quý	AT18G	8,3	
86	117	AT170242	Đỗ Danh	Quyền	AT17B	K	Vắng thi
87	118	AT180341	Hoàng Tuyền	Quyền	AT18C	8	
88	208	AT160154	Đỗ Trung	Son	AT16A	5	
89	209	AT170644	Đồng Minh	Tấn	AT17G	7,8	
90	180	AT150249	Linh Ngọc	Thái	AT15B	K	Vắng thi
91	119	AT140341	Nguyễn Quang	Thái	AT14C	5	
92	210	AT180343	Phạm Vũ	Thái	AT18C	7	
93	120	AT150347	Vương Hồng	Thái	AT15C	K	Vắng thi
94	156	AT170546	Bùi Xuân	Thành	AT17E	K	Vắng thi

Môn: **Học phần tốt nghiệp 2**

Mã học phần: ATATTN4

Số tín chỉ: 4

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm thi	Ghi chú
95	211	AT180144	Nguyễn Văn	Thành	AT18A	5,3	
96	181	AT180244	Nguyễn Xuân	Thành	AT18B	6,8	
97	212	AT150349	Vũ Duy	Thành	AT15C	7,8	
98	121	AT160644	Đặng Thu	Thảo	AT16G	1	
99	157	AT180542	Phạm Quang	Thắng	AT18E	6	
100	122	AT180145	Phạm Bùi Anh	Thế	AT18A	6,5	
101	182	AT180245	Lê Khánh	Thiện	AT18B	6,3	
102	183	AT150155	Phạm Trọng	Thiện	AT15A	5	
103	123	AT170248	Trần Văn	Thiệp	AT17B	5	
104	213	AT180344	Nguyễn Huy	Thọ	AT18C	3,3	
105	214	AT150256	Nguyễn Đăng	Thuần	AT15B	6	
106	184	AT180545	Nguyễn Văn	Tiện	AT18E	K	Vắng thi
107	124	AT160751	Trương Minh	Toàn	AT16H	K	Vắng thi
108	125	AT180447	Bùi Đức	Trung	AT18D	6,5	
109	185	AT170553	Nguyễn Quân	Trường	AT17E	6	
110	158	AT180547	Đào Ngọc	Tú	AT18E	6,5	
111	126	AT180646	Lều Văn	Tú	AT18G	0	
112	186	AT160555	Phan Văn	Tuấn	AT16E	5,8	
113	127	AT180250	Hứa Hoàng	Tùng	AT18B	1	
114	128	AT160656	Phạm Thanh	Tùng	AT16G	K	Vắng thi
115	215	AT180549	Bùi Hữu Hoàng	Văn	AT18E	7,5	
116	129	AT180550	Lưu Quốc	Việt	AT18E	1,5	
117	216	AT180450	Nguyễn Xuân	Việt	AT18D	7	
118	187	AT170657	Nguyễn Thị Tường	Vy	AT17G	6,5	

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2025